TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 25-7-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương Minh

Bà Phan Thị Yến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế V

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A P, phường B, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ KHCN.

- Người được bà Trần Thị Thu H ủy quyền lại:

+ Bà Trịnh Thu H - Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế V. Có mặt.

+ Bà Vũ Thị Nguyệt N - Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế V. Vắng mặt.

+ Ông Trần Quốc H - Trưởng nhóm xử lý nợ khách hàng cá nhân, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế V. Vắng mặt.

(*Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2019*).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2018 và trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/10/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị M ký Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 501.HĐTD1.050.17 với các nội dung chính như sau: Số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Sửa chữa nhà ở không làm thay đổi kết cấu và cấu trúc ngôi nhà. Lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,09%, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 9,22%/năm, đây là lãi suất ưu đãi chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,99%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 20/11/2017, kỳ trả gốc cuối cùng vào ngày 12/10/2022, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 6.667.000 đồng. Trả nợ lãi vào ngày 20 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 20/11/2017. Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 501.HĐTD1.050.17, Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền 400.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 501.01.KUNN1.050.17 ngày 12/10/2017, phương thức giải ngân: tiền mặt.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản tiền vay, ông T và bà M đã thế chấp tài sản chung của vợ chồng ông bà là quyền sử dụng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 215m^2 tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, diện tích xây dựng 80m^2, diện tích sàn xây dựng 160m^2, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 233904 do UBND huyện G cấp ngày 09/8/2017 mang tên ông Phạm Văn T, đến ngày 23/8/2017 bổ sung thêm chủ sử dụng, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị M và chứng nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất. Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà M theo Hợp đồng tín dụng số 501.HĐTD1.050.17 và các hợp đồng tín

dụng khác ký giữa Ngân hàng và ông T, bà M trong khoảng thời gian từ ngày 11/10/2017 đến ngày 11/10/2027. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 501.HĐTC1.050.17 ngày 11/10/2017 được lập thành văn bản, công chứng tại Văn phòng công chứng BVH, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, tỉnh Hải Dương.

Ngày 01/11/2017, Ngân hàng và vợ chồng ông T, bà M ký tiếp Hợp đồng tín dụng (cho vay mua/nhận chuyển nhượng bất động sản/ bất động sản dự án) số 550.HĐTD1.050.17 với các nội dung chính như sau: Số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Bù đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng 01 quyền sử dụng đất tại thửa số 216, tờ bản đồ số 36, địa chỉ: xã HT, huyện N, tỉnh Hải Dương. Lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,09%, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 9,22%/năm, đây là lãi suất ưu đãi chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,99%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 20/11/2017, kỳ trả gốc cuối cùng vào ngày 01/11/2022, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 5.000.000 đồng. Trả nợ lãi vào ngày 20 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 20/11/2017. Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 550.HĐTD1.050.17, Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền 300.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 550.01.KUNN1.050.17 ngày 01/11/2017, phương thức giải ngân: tiền mặt. Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 501.HDDTC1.050.17 ngày 11/10/2017.

Quá trình thực hiện hai hợp đồng tín dụng, bà M và ông T đã trả cho Ngân hàng 23.378.467 đồng tiền nợ gốc và 10.592.373 đồng tiền nợ lãi. Ông T và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ hai khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/01/2018. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho ông T, bà M trả nợ nhưng ông bà không trả.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Buộc ông T, bà M có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng các khoản nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 501.HĐTD1.050.17, Hợp đồng tín dụng số 550.HĐTD1.050.17 tính đến ngày 25/7/2019 tổng số tiền là 813.148.130 đồng, trong đó nợ gốc là 676.621.533 đồng, tiền lãi trong hạn là 99.536.103 đồng, tiền lãi quá hạn là 36.990.494 đồng. Ông T và bà M phải tiếp tục trả các khoản lãi kể

từ sau ngày 25/7/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo 02 Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Nếu ông T, bà M không thanh toán trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 501.HĐTC1.050.17 ngày 11/10/2017 để thu hồi nợ. Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông T và bà M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ hai khoản vay.

3. Về lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không thực hiện được việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T, bà M. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, ngày 02/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản ông T, bà M thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 501.HĐTC1.050.17 ngày 11/10/2017, xác định hiện trạng tài sản thế chấp tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ không thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 116, 117, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V.

Về nghĩa vụ trả tiền: Buộc ông T và bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền

tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/7/2019) bao gồm: Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 501.HĐTD1.050.17: tiền nợ gốc là 386.621.533 đồng; tiền lãi trong hạn là 52.784.078 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.273.558 đồng. Tổng là 460.679.169 đồng. Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 550.HĐTD1.050.17: tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 46.752.025 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.716.936 đồng. Tổng là 352.468.961 đồng. Tổng cộng là 813.148.130 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T và bà M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc còn lại cho Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng và 02 Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký. Lãi suất mà ông T và bà M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T và bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trả số nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc tiến hành phát mại tài sản của ông T và bà M đã thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 215m2, địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 233904 do UBND huyện G, tỉnh Hải Dương cấp ngày 09/8/2017 mang tên ông Phạm Văn T, đến ngày 23/8/2017 bổ sung thêm chủ sử dụng, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị M và chứng nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 501.HĐTC1.050.17 ngày 11/10/2017). Nếu phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà M tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu, nếu thừa thì trả lại cho ông T và bà M.

Về án phí: Ông T và bà M phải chịu 36.394.444 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 16.780.000 đồng. Về lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu 3.000.000 đồng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 11/10/2017 và ngày 01/11/2017, ông T và bà M ký Hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng, mục đích sử dụng vốn vay sửa chữa nhà cửa và nhận quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do bên vay tiền là ông T và bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà M trả nợ tiền gốc, tiền lãi theo hai Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do vậy, xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Ông T và bà M là bị đơn trong vụ án có địa chỉ nơi cư trú tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương đã được ghi trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Hiện nay, ông T và bà M bỏ địa chỉ nơi cư trú đi làm ăn nhưng không thông báo địa chỉ mới cho người khởi kiện, cũng như chính quyền địa phương và thân nhân của mình biết. Tòa án có công văn xác minh tại Cục xuất nhập cảnh – Bộ công an thì thấy trong cơ sở dữ liệu Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý không có thông tin xuất nhập cảnh của ông T, bà M. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp của ông T, bà M được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng ông T, bà M vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 501.HĐTD1.050.17 ngày 11/10/2017, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 501.01.KUNN1.050.17 ngày 12/10/2017, Hợp đồng tín dụng số 550.HĐTD1.050.17 ngày 01/11/2017, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 550.01.KUNN1.050.17 ngày 01/11/2017 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông T, bà M được ký kết trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện của các bên, bảo đảm điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Đối chiếu với các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cũng như quá trình thực hiện hợp đồng, bà M và ông T đã trả cho Ngân hàng 23.378.467 đồng tiền nợ gốc và 10.592.373 đồng tiền nợ lãi, ngoài ra không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa

vụ trả nợ từ ngày 20/01/2018. Như vậy, ông T và bà M đã vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại điểm 1.5.1, 1.5.2 tiểu mục 1.5 Mục 1 của 02 Hợp đồng tín dụng và nội dung cam kết của bên vay trong Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Căn cứ theo điểm g tiểu mục 1.4 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm theo Hợp đồng tín dụng) thì khoản nợ gốc chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 20/01/2018 và phải chịu mức lãi suất bằng 150% của lãi suất đang được áp dụng cho hai khoản vay. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà M phải trả tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là có căn cứ theo quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp về thông tin dư nợ đối với khoản tiền vay của ông T và bà M phải trả cụ thể: Số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/7/2019) bao gồm:

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 501.HĐTD1.050.17: tiền nợ gốc là 386.621.533 đồng; tiền lãi trong hạn là 52.784.078 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.273.558 đồng. Tổng là 460.679.169 đồng.

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 550.HĐTD1.050.17: tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 46.752.025 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.716.936 đồng. Tổng là 352.468.961 đồng.

Tổng cộng là 813.148.130 đồng. Ông T và bà M còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 26/7/2019 đến ngày ông T, bà M trả hết số nợ gốc còn lại cho Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng và 02 Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Lãi suất mà ông T và bà M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng.

[2.2] Về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 501.HĐTC1.050.17 ngày 11/10/2017 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông T, bà M được lập thành văn bản, công chứng tại Văn phòng công chứng BVH, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G. Tài sản ông T và bà M thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay của 02 Hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 215m^2 tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, diện tích xây dựng 80m^2, diện tích sàn xây dựng 160m^2.

Đối chiếu với quy định của pháp luật thì Hợp đồng thế chấp có nội dung, hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh

quyền, nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ quá trình thực hiện 02 Hợp đồng tín dụng thì ông T và bà M không thanh toán trả nợ tiền gốc và tiền lãi đúng hạn cho Ngân hàng, đã vi phạm quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do vậy, nếu ông T và bà M không thanh toán trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản của ông T và bà M đã thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và quy định tại các điều 299, 317, 320, 323 BLDS năm 2015 và Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng nên chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 116, 117, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V.

1. Về nghĩa vụ trả tiền:

Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/7/2019) bao gồm:

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 501.HĐTD1.050.17: tiền nợ gốc là 386.621.533 đồng; tiền lãi trong hạn là 52.784.078 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.273.558 đồng. Tổng là 460.679.169 đồng.

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 550.HĐTD1.050.17: tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 46.752.025 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.716.936 đồng. Tổng là 352.468.961 đồng.

Tổng cộng là 813.148.130 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T và bà M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc còn lại cho Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng và 02 Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký. Lãi suất mà ông T và bà M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trả số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc tiến hành phát mại tài sản của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị M đã thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27, diện tích 215m^2, địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 233904 do UBND huyện G, tỉnh Hải Dương cấp ngày 09/8/2017 mang tên ông Phạm Văn T, đến ngày 23/8/2017 bổ sung thêm chủ sử dụng, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị M và chứng nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 501.HĐTC1.050.17 ngày 11/10/2017).

Nếu phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà M tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V số tiền còn thiếu, nếu thừa thì trả lại cho ông T và bà M.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị M phải chịu 36.394.444 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 16.780.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0003579 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (do bà Vũ Thị Nguyệt N nộp).

Về lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu 3.000.000 đồng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh